

[illegible][illegible]

Vần thứ 10 có phân tích như sau:

Câu nói “Ajjhattam” có nghĩa là những điều xảy ra bên trong dưới tác động sinh ra từ chính bản thân.

Câu nói “Àngam” có nghĩa là nguyên nhân.

Câu nói “Iti karitvā” có nghĩa là thực hiện như vậy.

[illegible]

Đức Thế Tôn đã giải thích rằng: Nay các Tỳ-khưu, chúng ta thực hiện những điều xảy ra với chính mình, được thành lập từ bản chất của mình là nguyên nhân, thì sẽ không thấy nguyên nhân nào khác nữa.

Câu nói “Bāhiram” có nghĩa là những điều bên ngoài từ bản chất bên trong của bản thân.

Câu nói “Dhammassa” có nghĩa là ****Pháp chân chính****. Được giải thích là ****tôn giáo**** của Đức Phật.

Câu nói “Sammōsāya” có nghĩa là để hủy diệt.

Câu nói “Antaradhānāya” có nghĩa là để biến mất.

Câu nói “Thitiya” có nghĩa là để tồn tại mãi mãi.

Câu nói “Asammosāya anantaradhānāya” được hiểu theo nghĩa ngược lại với những gì đã được nói ở trên.

Các từ còn lại trong kinh này đã được giải thích trong các ****pháp có 4 yếu tố**** như đã nói trước đây.

Trong câu “Adhammaṃ dhammoti dipenti” và những phần tiếp theo, cần hiểu ý nghĩa theo sự diễn giải của kinh trước đó.

****10 thiện nghiệp**** được gọi là ****Pháp****. ****10 bất thiện nghiệp**** được gọi là ****Phi pháp****.

Hơn nữa, ****37 phẩm trợ đạo**** bao gồm: ****4 Niệm xứ****, ****4 Chánh cần****, ****4 Như ý túc****, ****5 Căn****, ****5 Lực****, ****7 Giác chi**** và ****8 Chi Thánh đạo**** được gọi là ****Pháp****.

Pháp này bao gồm: ****3 Niệm xứ****, ****3 Chánh cần****, ****3 Như ý túc****, ****6 Căn****, ****6 Lực****, ****8 Giác chi****, ****9 Chi Thánh đạo****, và ****4 Thủ****, ****5 Triền cái****, ****7 Tùy miên****, ****8 Tà kiến**** được gọi là ****Phi pháp****.

Trong các câu này, câu nói “Adhammo” có nghĩa là: Đây các Tỳ-khưu, khi nắm lấy một

[illegible]

--	--	--

[illegible]

Theo sự giải thích của giới luật, câu này: ****4 Ba la di****, ****13 Tăng tàn****, ****2 Nghi tội****, ****30 Tôi tăng cường****, được Đức Như Lai thuyết giảng và tuyên bố.

Câu này: ****3 Ba la di****, ****14 Tăng tàn****, ****3 Nghi tội****, ****31 Tội tăng cường****, không được Đức Như Lai thuyết giảng và tuyên bố.

Theo sự giải thích của kinh điển, việc này là việc nhập ****Phala Samāpatti**** (quả định), nhập ****Mahākaruṇā Samāpatti**** (định đại bi), quan sát thế gian bằng ****Phật nhãn****, giảng kinh do các sự kiện phát sinh, và thuyết giảng các truyện tiền thân (****jātaka****). Đây là những việc Đức Như Lai đã thực hành hàng ngày. Ngược lại, không nhập quả định và không thuyết jātaka là điều Đức Như Lai chưa từng thực hành.

Theo sự giải thích của giới luật, việc này là: khi được thỉnh cầu, đã trải qua mùa an cư thì phải cáo từ trước khi khởi hành đi khất thực. Sau khi ****Pavāraṇā**** (tự tứ) thì mới khởi hành đi khất thực. Đức Như Lai đã thực hiện việc tiếp đón trước đối với Tỳ-khưu ****Āgantuka**** (khách tăng). Ngược lại, không thực hiện những điều mà Đức Như Lai từng làm thì được gọi là chưa từng thực hành.

Theo sự giải thích của kinh điển, ****4 Niệm xứ**** và ****8 Chi Thánh đạo**** được gọi là do Đức Như Lai chế định. ****3 Niệm xứ**** và ****9 Chi đạo**** được gọi là không do Như Lai chế định.

Theo sự giải thích của giới luật, ****4 Ba la di**** và ****30 Tội xả**** được gọi là do Đức Như Lai chế định. ****3 Ba la di**** và ****31 Tội xả**** được gọi là không do Như Lai chế định.

Trong lời được tuyên bố cuối các kinh rằng: Những vị Tỳ-khưu đó đã khiến Pháp này biến mất, được gọi là ****Anantaradhāna**** (biến mất) có 5 loại:

****Anantaradhāna** về chứng ngộ (1)**

****Anantaradhāna** về thực hành (2)**

****Anantaradhāna** về giáo lý (3)**

Four empty 10x10 grids are provided for drawing. Each grid is a square divided into 10 columns and 10 rows, totaling 100 small squares. The grids are arranged horizontally in a single row.

[illegible]

Sona Thiên Kim

Khi thời gian trôi qua, các Tỳ-khưu nghĩ rằng: “Chúng ta sẽ giữ giới luật đầy đủ và tinh tấn, nhưng chúng ta không thể làm sáng tỏ ****Đạo**** hoặc ****Quả****. Hiện tại, không còn sự thấu triệt của ****Ariyadhamma**** (Pháp Thánh). Vì vậy, họ trở nên chán nản, lười biếng, không nhắc nhở nhau và không ghê tởm nhau trong việc làm điều xấu. Từ đó, họ vi phạm những ****Sikkhāpada**** (giới luật nhỏ).”

Khi thời gian trôi qua, họ mắc phải các tội ****Pācittiya**** (tội nhẹ), ****Thullaccaya**** (tội nặng), và sau đó là ****Kukkulāpatti**** (tội cực trọng).

Chỉ còn lại ****Pārājika**** (tội lớn) vẫn tồn tại.

Khi có 100 hay 1.000 Tỳ-khưu còn giữ gìn ****Pārājika****, việc thực hành được gọi là chưa biến mất. Nó sẽ biến mất khi vị Tỳ-khưu cuối cùng phá giới hoặc qua đời. Điều này được gọi là ****Anantaradhāna**** của việc thực hành.

Câu nói ****Pariyatti**** có nghĩa là ****Pāli**** cùng với các ****Atthakathā**** (chú giải) trong Phật ngôn, tức là ****Tam tạng****.

Chừng nào ****Pāli**** vẫn còn tồn tại, ****Pariyatti**** vẫn được coi là đầy đủ.

Khi thời gian trôi qua, các **Vua** và **Thái tử** trong thời đại **Kali** không duy trì **Pháp**.

Khi các Vua và Thái tử không duy trì ****Pháp****, thì các ****Rāja-amacca**** (đại thần) và những người khác cũng không duy trì ****Pháp****.

Sau đó, dân chúng và những người ở các vùng nông thôn cũng không duy trì ****Pháp****.

Mưa không rơi đúng mùa vì những người đó không duy trì ****Pháp****.

Lúa không còn dồi dào.

Khi lúa không dồi dào, các ****Dāyaka**** (thí chủ) không thể cúng dường các vật phẩm cho Tăng đoàn.

Các Tỳ-khưu gặp khó khăn với các vật phẩm và không thể chăm sóc các ****Antevasika**** (đê tử gần gũi).

Khi thời gian trôi qua, ****Pariyatti**** (giáo lý) dần dần suy giảm, các Tỳ-khưu không thể ghi nhớ được ý nghĩa nữa, chỉ còn nhớ được ****Pāli****. Sau đó, thời gian trôi qua, họ không thể nhớ nổi toàn bộ ****Pāli****.

****Abhidhamma Piṭaka**** (Tạng Vi diệu pháp) suy giảm trước tiên, khi suy giảm, nó suy giảm từ phần cuối.

Thực tế, **Paṭṭhāna Mahāpakaraṇa** (Bộ luận căn bản) suy giảm trước. Khi Paṭṭhāna suy giảm, các bộ **Yamaka**, **Kathāvatthu**, **Puggalapaññatti**, **Dhātukathā**, và **Dhammasaṅgani** cũng suy giảm.

Khi **Abhidhamma Piṭaka** suy giảm như vậy, **Suttanta Piṭaka** (Tạng Kinh) cũng bắt đầu suy giảm từ cuối, với **Anguttara Nikāya** (Tăng chi bộ) suy giảm trước.

Khi **Anguttara Nikāya** suy giảm, **Ekādasakanipāta** (Bộ mười một) suy giảm trước, sau đó là **Dasakanipāta** (Bộ mười), và tiếp theo là **Ekanipāta** (Bộ một).

Khi ****Anguttara Nikāya**** suy giảm như vậy, ****Saṃyutta Nikāya**** (Tương ưng bộ) cũng bắt đầu suy giảm từ cuối.

Thực tế, **Mahāvagga** (Đại phẩm) suy giảm trước, sau đó là **Salāyatanavagga**, **Khandhavagga**, **Nidānavagga**, và **Saṁvāsanavagga**.

Khi ****Saṃyutta Nikāya**** suy giảm như vậy, ****Majjhima Nikāya**** (Trung bộ) cũng bắt đầu suy giảm từ cuối.

Thực tế, ****Uparipaṇṇāsaka**** (Năm mươi bài cuối) suy giảm trước, sau đó là ****Majjhimaṇṇāsaka**** (Năm mươi bài giữa), rồi đến ****Mūlapaṇṇāsaka**** (Năm mươi bài đầu).

Khi **Majjhima Nikāya** suy giảm như vậy, **Dīgha Nikāya** (Trường bộ) cũng bắt đầu suy giảm từ cuối.

Thực tế, ****Pāṭikavagga**** (Phẩm Pāṭika) suy giảm trước, sau đó là ****Mahāvagga**** (Đại phẩm), và tiếp theo là ****Sīlakkhandhavagga**** (Phẩm giới).

Khi ****Dīgha Nikāya**** suy giảm như vậy, ****Suttanta Piṭaka**** (Tạng Kinh) được gọi là đã suy giảm.

Chỉ còn lại ****Jātaka**** (Truyện tiền thân) và ****Vinaya Pitaka**** (Tạng Luật) được giữ lại.

Chỉ các Tỳ-khưu ****Lajjī**** (người giữ gìn giới luật) mới giữ lại ****Vinaya Pitaka****.

Các Tỳ-khưu hy vọng vào lợi lộc nghĩ rằng: “Ngay cả khi chỉ giảng Kinh, không ai có thể phân biệt được,” nên họ chỉ giữ lại ****jātaka****.

Khi thời gian trôi qua, ngay cả **Jātaka** cũng không thể được giữ lại.

Lúc đó, trong số các **Jātaka**, **Vessantara Jātaka** suy giảm trước tiên, tiếp theo là **Puṇṇaka Jātaka**, **Mahānārada Jātaka** suy giảm theo thứ tự ngược lại, cuối cùng là **Apaṇṇaka Jātaka** suy giảm.

Khi **Jātaka** suy giảm như vậy, các Tỳ-khưu chỉ giữ lại **Vinaya Piṭaka**.

Khi thời gian trôi qua, họ không thể giữ lại được **Vinaya Piṭaka**, và nó cũng suy giảm từ cuối.

Các **Kinh Bốn** (kinh vệ tinh) suy giảm trước, sau đó là **Khandhaka** (Phẩm Kiến Đà), và **Bhikkhunī Vibhaṅga** (Giới Tỳ-khưu ni) cũng suy giảm. Sau đó, chỉ còn lại **Uposatha Khandhaka** (Phẩm Uposatha) theo thứ tự.

Ngay cả trong thời gian đó, **Pariyatti** vẫn được coi là chưa suy giảm. Khi bốn câu kệ vẫn còn được lưu truyền trong xã hội, **Pariyatti** vẫn được coi là chưa biến mất.

Trong thời gian nào, khi một vị vua có đức tin cho đặt một túi bạc trị giá 100.000 đồng vào một hộp vàng trên cổ voi, rồi đánh trống loan báo trong thành phố rằng: “Ai biết bốn câu kệ mà Đức Phật đã giảng, hãy đến nhận túi bạc 100.000 này,” nhưng không có ai đến nhận.

Dù sau lần loan báo đầu tiên, có người nghe thấy, có người không nghe thấy, vị vua cho đánh trống loan báo ba lần, nhưng vẫn không có ai đến nhận.

Cuối cùng, các quan viên đã mang túi bạc 100.000 đồng đó trở lại hoàng cung như ban đầu.

Vào thời gian đó, ****Pariyatti**** được coi là suy giảm. Đây được gọi là ****Anantaradhāna**** của ****Pariyatti****.

Khi thời gian trôi qua, việc nhận ****y**** (áo cà sa), nhận ****bát****, cúi xuống, đứng lên, chăm sóc, nhìn xung quanh không còn tạo ra sự kính trọng.

Các Tỳ-khưu đặt bát lên cánh tay và đi khất thực giống như các ****Nigaṇṭha**** (du sĩ lửa thể) cầm bát hình quả bầu đi khất thực.

Dù trong tình trạng như vậy, giới tướng vẫn được coi là chưa biến mất.

Khi thời gian trôi qua, họ cầm bát bằng tay hoặc đeo bằng dây và đi khất thực. Ngay cả **v** (áo cà sa) cũng không được nhuộm đúng cách, họ sử dụng những áo màu đỏ.

Khi thời gian trôi qua, việc nhuộm **y**, cắt viền áo, và đục lỗ khuy đều không còn được thực hiện nữa. Họ chỉ làm một dấu hiệu đơn giản và sử dụng nó.

Sau đó, họ bỏ việc đục khuy và không làm dấu hiệu. Cuối cùng, họ không thực hiện cả hai điều này, chỉ cắt viền áo và đi khất thực giống như ****Paribbājaka**** (du sĩ).

Khi thời gian trôi qua, họ nghĩ rằng: “Chúng ta cần gì phải làm điều này?” Họ buộc một miếng vải ****kāsāya**** nhỏ lên tay hoặc cổ, hoặc cột lên tóc và bắt đầu nuôi vợ, cày bừa và trồng trọt để sinh sống.

Vào thời điểm đó, khi mọi người dâng ****dakkhiṇā**** (cúng dường), họ dâng cho những người này với ý dâng cho ****Tăng đoàn****. Đức Phật đã ám chỉ điều này khi Ngài nói:

“Này **Ānanda**, trong tương lai, sẽ có những người thuộc dòng tộc, mang vải **kāsāya** (vải cà sa) quần quanh cổ, là những người không giữ giới luật và có hành vi xấu ác.”

Những người ấy sẽ nhận **dāna** (cúng dường) từ mọi người với ý dâng cho **Tăng đoàn**, mặc dù họ không giữ giới và có hành vi xấu ác.

“**Ānanda**, vào thời điểm đó, ta sẽ nói rằng sự cúng dường (dakkhiṇā) đó, khi dâng lên **Tăng đoàn**, sẽ có kết quả không thể đo lường và không thể tính toán được.”

1- M. U. Tập 14/Phần 713

Sau đó, khi thời gian trôi qua, những người đó nghĩ rằng: “Điều này được gọi là pháp dẫn đến sự trì trệ. Chúng ta cần gì với pháp trì trệ này?” Và họ ném bỏ mảnh vải của mình vào rừng.

Vào thời điểm đó, giới tướng được coi là đã biến mất.

Người ta nghe rằng việc mặc áo trắng đi khất thực là phong tục của những người này, có từ thời Đức Phật **Kassapa**. Như vậy, điều này được gọi là sự biến mất của giới tướng.

Sự biến mất của các yếu tố (**dhātu**) nên được hiểu như sau:

Có ba loại **Niết-bàn**:

1. **Kilesa Parinibbāna**: Niết-bàn của phiền não,

2. **Khandha Parinibbāna**: Niết-bàn của các uẩn,

Trong ba loại ****Niết-bàn**** đó:

****Kilesa Parinibbāna**** diễn ra tại ****Bodhi Pallaṅka**** (Bồ đề đạo tràng).

****Khandha Parinibbāna**** diễn ra tại thành phố ****Kusinārā**** (Câu-thi-na).

****Dhātu Parinibbāna**** sẽ xảy ra trong tương lai.

Sẽ xảy ra như thế nào?

Vào thời điểm đó, các ****dhātu**** (xá lợi) không được nhận sự tôn kính và lễ nghi ở nơi đó sẽ di chuyển đến nơi có sự tôn kính và lễ nghi nhờ sức mạnh của lời nguyện từ các Đức Phật.

Khi thời gian trôi qua, không còn sự tôn kính và lễ nghi ở bất cứ nơi nào nữa.

Khi giáo pháp suy giảm, các ****dhātu**** (xá lợi) ở ****Tambapaṇṇidīpa**** (đảo Tích Lan) sẽ tụ họp lại và đi đến ****Mahācetiya**** (Đại Tháp).

Từ **Mahācetiya** (Đại Tháp) sẽ đi đến **Nāga Cetiya** (Tháp Rồng), rồi từ đó đến **Bodhi Pallanka** (Bồ đề đao tràng).

Các ****dhātu**** (xá lợi) từ ****Nāga bhūmi**** (Thế giới Rồng), từ ****Devaloka**** (Thế giới Thiên) và từ ****Brahmaloka**** (Thế giới Phạm thiên) sẽ cùng tụ hợp tại ****Bodhi Pallaṅka**** (Bồ đề đạo tràng).

Ngay cả những ****dhātu**** nhỏ bằng hạt cải cũng không biến mất trong quá trình này.

Sau khi các ****dhātu**** đã hiển bày những thần lực lớn như vậy, chúng sẽ biến mất.

Vào thời điểm đó, các ****deva**** (chư thiên) sẽ dâng cúng hương, hoa và nhạc thiên, giống như ngày các Đức Phật nhập Niết-bàn.

Họ sẽ đi nhiều ba vòng, đánh lễ và bạch rằng: “Bạch Đức Thế Tôn, chúng con sẽ được thấy các Đức Phật xuất hiện trong tương lai.” Sau đó, họ trở về nơi ở của mình.

Đây được gọi là ****Anantaradhāna**** (sự biến mất) của ****dhātu**** (xá lợi).

Sự ****Anantaradhāna**** của ****Pariyatti**** (giáo lý) là nguồn gốc của năm loại biến mất này.

Thực tế là, khi ****Pariyatti**** biến mất, ****Paṭipatti**** (việc thực hành) cũng sẽ biến mất.

Khi ****Pariyatti**** còn tồn tại, ****Paṭipatti**** cũng sẽ tồn tại.

Vì lý do này, vào thời đại hoàng đế ****Caṇḍālatissa**** trên lục địa này, ****Sakka Devarāja**** đã tạo ra một chiếc bè lớn và thông báo với các Tỳ-khưu rằng: “Sẽ có một đại họa, mưa sẽ không rơi đúng mùa.”

Các Tỳ-khưu gặp khó khăn với ****bốn nhu cầu cơ bản**** và không thể duy trì ****Pariyatti**** (giáo lý).

“Các ngài nên đi sang bờ bên kia để bảo vệ mạng sống của mình. Hãy lên chiếc bè lớn này đi.”

“Nếu không đủ chỗ trên bè, các Tỳ-khưu hãy bám vào khúc gỗ. Không một Tỳ-khưu nào sẽ gặp nguy hiểm.”

Vào thời điểm đó, 60 vị Tỳ-khưu đã đến bờ biển và cùng nhau thỏa thuận rằng: “Chúng ta không có việc gì ở đó. Chúng ta sẽ ở lại đây và duy trì ****Tam tạng****.”

Sau đó, họ rời khỏi nơi đó và trở về ****Takkinamalaya****, sinh sống nhờ rễ cây và lá.

Khi cơ thể vẫn còn hoạt động được, họ ngồi tụng kinh. Khi không còn khả năng, họ sẽ đắp cát quanh đầu mình và tiếp tục quán xét ****Pariyatti**** (giáo lý).

Bằng cách này, các Tỳ-khưu đã giữ gìn ****Tam tạng**** cùng với ****Atthakathā**** (chú giải) một cách hoàn hảo trong suốt 12 năm.

Khi đại họa qua đi, 700 vị Tỳ-khưu không làm hỏng một chữ hay một âm nào trong ****Tam tạng**** và ****Atthakathā**** từ nơi họ đã rời đi.

Họ đến hòn đảo này và vào ****Maṇḍalarāmaṇavihāra**** (Tu viện Maṇḍalarāma) tại vùng ****Kallakāma****.

60 vị Tỳ-khưu còn lại trên đảo nghe tin về sự đến của các bậc trưởng lão, và họ nghĩ rằng sẽ đến thăm các vị trưởng lão. Sau đó, họ kiểm tra ****Tam tạng**** với các vị trưởng lão.

Họ không tìm thấy một chữ hay một âm nào không phù hợp với ****Tam tạng****.

Các vị trưởng lão bắt đầu thảo luận rằng: ****Pariyatti**** là nền tảng của giáo pháp hay ****Paṭipatti**** là nền tảng.

Vị trưởng lão thực hành hạnh ****Pāṃsukūlikanga**** (mặc y phần tảo) nói rằng: “Việc thực hành (****Paṭipatti****) là nền tảng của giáo pháp.”

Phía các vị giảng sư ****Dhamma**** nói rằng: “****Pariyatti**** (giáo lý) là nền tảng.”

Sau đó, các vị trưởng lão nói rằng: “Chúng tôi sẽ không chỉ tin vào lời nói của cả hai bên. Xin các ngài hãy trích dẫn kinh điển mà Đức ****Chinaja**** (Bạc Chiến Thắng) đã thuyết giảng.”

Hai nhóm trưởng lão đó trả lời rằng: “Việc trích dẫn kinh điển không phải là gánh nặng.”

Vị trưởng lão bên phía những người mặc ****Pāṃsukūlikanga**** (y phẩn tảo) đã trích dẫn kinh rằng: “Này ****Subhadda****, nếu các Tỳ-khưu trong giáo pháp này sống đúng với giáo pháp, thế gian sẽ không bao giờ thiếu vắng các bậc ****A-la-hán****.”

“Này **Mahāpabhita**, giáo pháp của Đức Phật có việc thực hành làm nền tảng, việc thực hành là cốt lõi. Khi duy trì việc thực hành, giáo pháp vẫn được coi là còn tồn tại.”

1- D. Mahā. Tập 10/Phần 138

Sau khi các giảng sư Dhamma nghe kinh đó, để xác nhận lập luận của mình, họ đã trích dẫn kinh này:

“Kinh điển còn tồn tại bao lâu, **Vinaya** (giới luật) còn rực rỡ bấy lâu, thì các Tỳ-khưu vẫn còn thấy ánh sáng, giống như mặt trời mọc.”

“Khi không còn kinh điển và ngay cả **Vinaya** cũng bị lãng quên, thì thế gian chỉ còn lại bóng tối, giống như mặt trời lặn.”

“Khi các Tỳ-khưu còn duy trì kinh điển, thì việc thực hành cũng được duy trì. Các bậc trígiữ gìn việc thực hành sẽ không xa rời ****dhamma anupāsaka**** (pháp tối thượng, giảithoát khỏi ràng buộc).”

Khi các giảng sư ****Dhamma**** trích dẫn kinh này, các vị trưởng lão mặc ****Pāṃsukūlikanga**** (y phấn tảo) đã im lặng.

Lời nói của các trưởng lão giảng sư Dhamma được coi là đáng tin cậy.

Giống như giữa 100 con bò đực hoặc 1.000 con bò đực, nếu không có bò cái để duy trì nòi giống, thì dòng dõi cũng không tiếp tục.

Tương tự như vậy, khi có 100 hay 1.000 Tỳ-khưu bắt đầu thực hành ****vipassanā**** (quán chiếu), nhưng nếu không có ****Pariyatti**** (giáo lý), thì không có sự thấu triệt vào ****Ariyamagga**** (Thánh đạo).

Ngoài ra, giống như khi người ta khắc chữ lên đá để chỉ ra kho báu, chừng nào chữ còn tồn tại, thì kho báu vẫn được coi là chưa mất đi.

Tương tự như vậy, khi ****Pariyatti**** (giáo lý) vẫn còn tồn tại, giáo pháp được coi là chưa biến mất.

Kết thúc bình luận phần thứ 10.